

Số: /QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực
Tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND tỉnh,
Sở Nông nghiệp và Môi trường và Chủ tịch UBND cấp xã
trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông;

Căn cứ Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15/9/2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận một cửa và Cổng dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 563/QĐ-UBND ngày 09/02/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thay thế lĩnh vực tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường và chủ tịch UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1069/TTr-SNNMT ngày 28/7/2026 và đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt 19 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường và Chủ tịch UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

(Có Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Sở Nông nghiệp và Môi trường căn cứ Quy trình nội bộ được phê duyệt kèm theo Quyết định này thực hiện cập nhật, điều chỉnh trên Hệ thống thông

tin giải quyết thủ tục hành chính tập trung của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, đảm bảo phù hợp với quy trình thực hiện tại địa phương.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Lưu: VT, HCC_{Tr}.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Văn Bảo

Phụ lục I
QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CHỦ TỊCH UBND TỈNH,
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH QUẢNG TRỊ
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị)

STT	Tên TTHC	Tổng thời gian giải quyết	Nội dung công việc và trình tự các bước thực hiện		Thời gian chi tiết (ngày làm việc)	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện
1	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000m ³ /ngày đêm (1.004232)	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	0,25	TT PVHCC	Chuyên viên
			Bước 2	Phân công xử lý hồ sơ	0,25	Phòng BD&TNN	Lãnh đạo Phòng
			Bước 3	Kiểm tra hồ sơ nếu hồ sơ đủ điều kiện thì tiếp tục qua bước 4 nếu hồ sơ không đủ điều kiện thì trả hồ sơ kết thúc quy trình.	22	Phòng BD&TNN	Chuyên viên
				Thẩm định và xử lý hồ sơ:			
				- Trường hợp hồ sơ không bổ sung, chỉnh sửa thì tiếp tục qua bước 4			
				- Trường hợp hồ sơ có bổ sung chỉnh sửa thì hệ thống dừng cho đến khi tổ chức, cá nhân nộp lại hồ sơ đã hoàn thiện (thời gian bổ sung chỉnh sửa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ)			
			Bước 4	Soát xét hồ sơ	1	Phòng BD&TNN	Lãnh đạo Phòng
			Bước 5	Phê duyệt hồ sơ	0,5	Sở NN&MT	Lãnh đạo Sở
			Bước 6	Trình UBND tỉnh phê duyệt	0,25	TT PVHCC	Chuyên viên

			Bước 7	Tiếp nhận liên thông	0,25	VP UBND tỉnh	Bộ phận TN&TKQ
			Bước 8	UBND tỉnh phê duyệt	5	VP UBND tỉnh	Chuyên viên
			Bước 9	Luân chuyển kết quả	0,25	VP UBND tỉnh	Bộ phận TN&TKQ
			Bước 10	Tiếp nhận và thông báo kết quả	0,25	TT PVHCC	Chuyên viên
			Bước 11	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Không tính thời gian	TT PVHCC	Chuyên viên
2	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m ³ /ngày đêm (1.004228)	24 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bước 1	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ	0,25	TT PVHCC	Chuyên viên
			Bước 2	Phân công xử lý hồ sơ	0,25	Phòng BD&TNN	Lãnh đạo Phòng
			Bước 3	Kiểm tra hồ sơ nếu hồ sơ đủ điều kiện thì tiếp tục qua bước 4 nếu hồ sơ không đủ điều kiện thì trả hồ sơ kết thúc quy trình.	16	Phòng BD&TNN	Chuyên viên
				Thẩm định và xử lý hồ sơ			
				- Trường hợp hồ sơ không bổ sung, chỉnh sửa thì tiếp tục qua bước 4			
				- Trường hợp hồ sơ có bổ sung chỉnh sửa thì hệ thống dừng cho đến khi tổ chức, cá nhân nộp lại hồ sơ đã hoàn thiện (thời gian bổ sung chỉnh sửa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ).			
			Bước 4	Soát xét hồ sơ	1	Phòng BD&TNN	Lãnh đạo Phòng
			Bước 5	Phê duyệt hồ sơ	0,5	Sở NN&MT	Lãnh đạo Sở
			Bước 6	Trình UBND tỉnh phê duyệt	0,25	TT PVHCC	Chuyên viên
			Bước 7	Tiếp nhận liên thông	0,25	VP UBND tỉnh	Bộ phận TN&TKQ

			Bước 8	UBND tỉnh phê duyệt	5	VP UBND tỉnh	Chuyên viên
			Bước 9	Luân chuyển kết quả	0,25	VP UBND tỉnh	Bộ phận TN&TKQ
			Bước 10	Tiếp nhận và thông báo kết quả	0,25	TT PVHCC	Chuyên viên
			Bước 11	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Không tính thời gian	TT PVHCC	Chuyên viên
3	Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000m ³ /ngày đêm (1.004223)	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bước 1	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ	0,25	TT PVHCC	Chuyên viên
			Bước 2	Phân công xử lý hồ sơ	0,25	Phòng BD&TNN	Lãnh đạo Phòng
			Bước 3	Kiểm tra hồ sơ nếu hồ sơ đủ điều kiện thì tiếp tục qua bước 4 nếu hồ sơ không đủ điều kiện thì trả hồ sơ kết thúc quy trình.	22	Phòng BD&TNN	Chuyên viên
				Thẩm định và xử lý hồ sơ:			
				- Trường hợp hồ sơ không bổ sung, chỉnh sửa thì tiếp tục qua bước 4			
				- Trường hợp hồ sơ có bổ sung chỉnh sửa thì hệ thống dừng cho đến khi tổ chức, cá nhân nộp lại hồ sơ đã hoàn thiện (thời gian bổ sung chỉnh sửa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ)			
			Bước 4	Soát xét hồ sơ	1	Phòng BD&TNN	Lãnh đạo Phòng
			Bước 5	Phê duyệt hồ sơ	0,5	Sở NN&MT	Lãnh đạo Sở
			Bước 6	Trình UBND tỉnh phê duyệt	0,25	TT PVHCC	Chuyên viên
			Bước 7	Tiếp nhận liên thông	0,25	VP UBND tỉnh	Bộ phận TN&TKQ

			Bước 8	UBND tỉnh phê duyệt	5	VP UBND tỉnh	Chuyên viên
			Bước 9	Luân chuyển kết quả	0,25	VP UBND tỉnh	Bộ phận TN&TKQ
			Bước 10	Tiếp nhận và thông báo kết quả	0,25	TT PVHCC	Chuyên viên
			Bước 11	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Không tính thời gian	TT PVHCC	Chuyên viên
4	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m ³ /ngày đêm (1.004211)	24 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bước 1	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ	0,25	TT PVHCC	Chuyên viên
			Bước 2	Phân công xử lý hồ sơ	0,25	Phòng BD&TNN	Lãnh đạo Phòng
			Bước 3	Kiểm tra hồ sơ nếu hồ sơ đủ điều kiện thì tiếp tục qua bước 4 nếu hồ sơ không đủ điều kiện thì trả hồ sơ kết thúc quy trình.	16	Phòng BD&TNN	Chuyên viên
				Thẩm định và xử lý hồ sơ:			
				- Trường hợp hồ sơ không bổ sung, chỉnh sửa thì tiếp tục qua bước 4			
				- Trường hợp hồ sơ có bổ sung chỉnh sửa thì hệ thống dừng cho đến khi tổ chức, cá nhân nộp lại hồ sơ đã hoàn thiện (thời gian bổ sung chỉnh sửa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ).			
			Bước 4	Soát xét hồ sơ	01	Phòng BD&TNN	Lãnh đạo Phòng
			Bước 5	Phê duyệt hồ sơ	0,5	Sở NN&MT	Lãnh đạo Sở
			Bước 6	Trình UBND tỉnh phê duyệt	0,25	TT PVHCC	Chuyên viên
			Bước 7	Tiếp nhận liên thông	0,25	VP UBND tỉnh	Bộ phận TN&TKQ
			Bước 8	UBND tỉnh phê duyệt	5	VP UBND	Chuyên viên

5	Cấp giấy phép khai thác nước mặt, nước biển (đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 2 Nghị định số 23/2026/NĐ-CP) (1.004179)	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.				tỉnh	
			Bước 9	Luân chuyển kết quả	0,25	VP UBND tỉnh	Bộ phận TN&TKQ
			Bước 10	Tiếp nhận và thông báo kết quả	0,25	TT PVHCC	Chuyên viên
			Bước 11	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Không tính thời gian	TT PVHCC	Chuyên viên
			Bước 1	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ	0,25	TT PVHCC	Chuyên viên
			Bước 2	Phân công xử lý hồ sơ	0,25	Phòng BD&TNN	Lãnh đạo Phòng
			Bước 3	Kiểm tra hồ sơ nếu hồ sơ đủ điều kiện thì tiếp tục qua bước 4 nếu hồ sơ không đủ điều kiện thì trả hồ sơ kết thúc quy trình.	22	Phòng BD&TNN	Chuyên viên
				Thẩm định và xử lý hồ sơ:			
				- Trường hợp hồ sơ không bổ sung, chỉnh sửa thì tiếp tục qua bước 4			
				- Trường hợp hồ sơ có bổ sung chỉnh sửa thì hệ thống dừng cho đến khi tổ chức, cá nhân nộp lại hồ sơ đã hoàn thiện (thời gian bổ sung chỉnh sửa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ)			
			Bước 4	Soát xét hồ sơ	01	Phòng BD&TNN	Lãnh đạo Phòng
			Bước 5	Phê duyệt hồ sơ	0,5	Sở NN&MT	Lãnh đạo Sở
			Bước 6	Trình UBND tỉnh phê duyệt	0,25	TT PVHCC	Chuyên viên
			Bước 7	Tiếp nhận liên thông	0,25	VP UBND tỉnh	Bộ phận TN&TKQ
			Bước 8	UBND tỉnh phê duyệt	5	VP UBND tỉnh	Chuyên viên

			Bước 9	Luân chuyển kết quả	0,25	VP UBND tỉnh	Bộ phận TN&TKQ
			Bước 10	Tiếp nhận và thông báo kết quả	0,25	TT PVHCC	Chuyên viên
			Bước 11	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Không tính thời gian	TT PVHCC	Chuyên viên
6	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt, nước biển (1.004167)	24 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	0,25	TT PVHCC	Chuyên viên
			Bước 2	Phân công xử lý hồ sơ	0,25	Phòng BD&TNN	Lãnh đạo Phòng
			Bước 3	Kiểm tra hồ sơ nếu hồ sơ đủ điều kiện thì tiếp tục qua bước 4 nếu hồ sơ không đủ điều kiện thì trả hồ sơ kết thúc quy trình.	16	Phòng BD&TNN	Chuyên viên
				Thẩm định và xử lý hồ sơ:			
				- Trường hợp hồ sơ không bổ sung, chỉnh sửa thì tiếp tục qua bước 4			
				- Trường hợp hồ sơ có bổ sung chỉnh sửa thì hệ thống dừng cho đến khi tổ chức cá nhân nộp lại hồ sơ đã hoàn thiện (thời gian bổ sung chỉnh sửa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ)			
			Bước 4	Soát xét hồ sơ	01	Phòng BD&TNN	Lãnh đạo Phòng
			Bước 5	Phê duyệt hồ sơ	0,5	Sở NN&MT	Lãnh đạo Sở
			Bước 6	Trình UBND tỉnh phê duyệt	0,25	TT PVHCC	Chuyên viên
			Bước 7	Tiếp nhận liên thông	0,25	VP UBND tỉnh	Bộ phận TN&TKQ
			Bước 8	UBND tỉnh phê duyệt	5	VP UBND tỉnh	Chuyên viên

			Bước 9	Luân chuyển kết quả	0,25	VP UBND tỉnh	Bộ phận TN&TKQ
			Bước 10	Tiếp nhận và thông báo kết quả	0,25	TT PVHCC	Chuyên viên
			Bước 11	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Không tính thời gian	TT PVHCC	Chuyên viên
7	Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước (1.011518)	11 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	0,25	TT PVHCC	Chuyên viên
			Bước 2	Phân công xử lý hồ sơ	0,25	Phòng BD&TNN	Lãnh đạo Phòng
			Bước 3	Kiểm tra hồ sơ nếu hồ sơ đủ điều kiện thì tiếp tục qua bước 4 nếu hồ sơ không đủ điều kiện thì trả hồ sơ kết thúc quy trình.	6	Phòng BD&TNN	Chuyên viên
				Thẩm định và xử lý hồ sơ:			
				- Trường hợp hồ sơ không bổ sung, chỉnh sửa thì tiếp tục qua bước 4			
				- Trường hợp hồ sơ có bổ sung chỉnh sửa thì hệ thống dừng cho đến khi tổ chức, cá nhân nộp lại hồ sơ đã hoàn thiện (thời gian bổ sung chỉnh sửa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ)			
			Bước 4	Soát xét hồ sơ	0,5	Phòng BD&TNN	Lãnh đạo Phòng
			Bước 5	Phê duyệt hồ sơ	0,5	Sở NN&MT	Lãnh đạo Sở
			Bước 6	Trình UBND tỉnh phê duyệt	0,25	TT PVHCC	Chuyên viên

			Bước 7	Tiếp nhận liên thông	0,25	VP UBND tỉnh	Bộ phận TN&TKQ
			Bước 8	UBND tỉnh phê duyệt	2,5	VP UBND tỉnh	Chuyên viên
			Bước 9	Luân chuyển kết quả	0,25	VP UBND tỉnh	Bộ phận TN&TKQ
			Bước 10	Tiếp nhận và thông báo kết quả	0,25	TT PVHCC	Chuyên viên
			Bước 11	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Không tính thời gian	TT PVHCC	Chuyên viên
8	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất (1.004122)	13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bước 1	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ	0,25	TT PVHCC	Chuyên viên
			Bước 2	Phân công xử lý hồ sơ	0,25	Phòng BD&TNN	Lãnh đạo Phòng
			Bước 3	Kiểm tra hồ sơ nếu hồ sơ đủ điều kiện thì tiếp tục qua bước 4 nếu hồ sơ không đủ điều kiện thì trả hồ sơ kết thúc quy trình.	7,5	Phòng BD&TNN	Chuyên viên
				Thẩm định và xử lý hồ sơ:			
				- Trường hợp hồ sơ không bổ sung, chỉnh sửa thì tiếp tục qua bước 4 - Trường hợp hồ sơ có bổ sung chỉnh sửa thì hệ thống dừng cho đến khi tổ chức, cá nhân nộp lại hồ sơ đã hoàn thiện (thời gian bổ sung chỉnh sửa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ)			
			Bước 4	Soát xét hồ sơ	0,5	Phòng BD&TNN	Lãnh đạo Phòng
			Bước 5	Phê duyệt hồ sơ	0,5	Sở NN&MT	Lãnh đạo Sở
			Bước 6	Trình UBND tỉnh phê duyệt	0,25	TT PVHCC	Chuyên viên
			Bước 7	Tiếp nhận liên thông	0,25	VP UBND	Bộ phận

						tỉnh	TN&TKQ
			Bước 8	UBND tỉnh phê duyệt	03	VP UBND tỉnh	Chuyên viên
			Bước 9	Luân chuyển kết quả	0,25	VP UBND tỉnh	Bộ phận TN&TKQ
			Bước 10	Tiếp nhận và thông báo kết quả	0,25	TT PVHCC	Chuyên viên
			Bước 11	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Không tính thời gian	TT PVHCC	Chuyên viên
9	Gia hạn giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất (2.001738)	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bước 1	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ	0,25	TT PVHCC	Chuyên viên
			Bước 2	Phân công xử lý hồ sơ	0,25	Phòng BD&TNN	Lãnh đạo Phòng
			Bước 4	Kiểm tra hồ sơ nếu hồ sơ đủ điều kiện thì tiếp tục qua bước 4 nếu hồ sơ không đủ điều kiện thì trả hồ sơ kết thúc quy trình.	2,75	Phòng BD&TNN	Chuyên viên
				Thẩm định và xử lý hồ sơ:			
				- Trường hợp hồ sơ không bổ sung, chỉnh sửa thì tiếp tục qua bước 5			
				- Trường hợp hồ sơ có bổ sung chỉnh sửa thì hệ thống dừng cho đến khi tổ chức, cá nhân nộp lại hồ sơ đã hoàn thiện (thời gian bổ sung chỉnh sửa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ)			
			Bước 5	Soát xét hồ sơ	0,25	Phòng BD&TNN	Lãnh đạo Phòng
			Bước 6	Phê duyệt hồ sơ	0,5	Sở NN&MT	Lãnh đạo Sở
			Bước 7	Trình UBND tỉnh phê duyệt	0,25	TT PVHCC	Chuyên viên
			Bước 8	Tiếp nhận liên thông	0,25	VP UBND tỉnh	Bộ phận TN&TKQ

			Bước 9	UBND tỉnh phê duyệt	02	VP UBND tỉnh	Chuyên viên
			Bước 10	Luân chuyển kết quả	0,25	VP UBND tỉnh	Bộ phận TN&TKQ
			Bước 11	Tiếp nhận và thông báo kết quả	0,25	TT PVHCC	Chuyên viên
			Bước 12	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Không tính thời gian	TT PVHCC	Chuyên viên
10	Trả lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất (1.012501)	06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bước 1	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ	0,25	TT PVHCC	Chuyên viên
			Bước 2	Phân công xử lý hồ sơ	0,25	Phòng BD&TNN	Lãnh đạo Phòng
			Bước 3	Kiểm tra hồ sơ nếu hồ sơ đủ điều kiện thì tiếp tục qua bước 4 nếu hồ sơ không đủ điều kiện thì trả hồ sơ kết thúc quy trình.	2,25	Phòng BD&TNN	Chuyên viên
				Thẩm định và xử lý hồ sơ:			
				- Trường hợp hồ sơ không bổ sung, chỉnh sửa thì tiếp tục qua bước 4			
				- Trường hợp hồ sơ có bổ sung chỉnh sửa thì hệ thống dừng cho đến khi tổ chức cá nhân nộp lại hồ sơ đã hoàn thiện (thời gian bổ sung chỉnh sửa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ)			
			Bước 4	Soát xét hồ sơ	0,25	Phòng BD&TNN	Lãnh đạo Phòng
			Bước 5	Phê duyệt hồ sơ	0,5	Sở NN&MT	Lãnh đạo Sở
			Bước 6	Trình UBND tỉnh phê duyệt	0,25	TT PVHCC	Chuyên viên
			Bước 7	Tiếp nhận liên thông	0,25	VP UBND tỉnh	Bộ phận TN&TKQ
			Bước 8	UBND tỉnh phê duyệt	1,5	VP UBND	Chuyên viên

						tỉnh	
			Bước 9	Luân chuyển kết quả	0,25	VP UBND tỉnh	Bộ phận TN&TKQ
			Bước 10	Tiếp nhận và thông báo kết quả	0,25	TT PVHCC	Chuyên viên
			Bước 11	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Không tính thời gian	TT PVHCC	Chuyên viên
11	Tỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành (2.001770)	30 ngày làm việc	<i>Trường hợp nộp cùng với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước</i>				
			Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	0,25	TT PVHCC	Chuyên viên
			Bước 2	Phân công xử lý hồ sơ	0,25	Phòng BD&TNN	Lãnh đạo Phòng
			Bước 3	Kiểm tra hồ sơ nếu hồ sơ đủ điều kiện thì tiếp tục qua bước 4 nếu hồ sơ không đủ điều kiện thì trả hồ sơ kết thúc quy trình.	22	Phòng BD&TNN	Chuyên viên
				Thẩm định và xử lý hồ sơ:			
				- Trường hợp hồ sơ không bổ sung, chỉnh sửa thì tiếp tục qua bước 4			
				- Trường hợp hồ sơ có bổ sung chỉnh sửa thì hệ thống dừng cho đến khi tổ chức cá nhân nộp lại hồ sơ đã hoàn thiện (thời gian bổ sung chỉnh sửa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ)			
			Bước 4	Soát xét hồ sơ	01	Phòng BD&TNN	Lãnh đạo Phòng
			Bước 5	Phê duyệt hồ sơ	0,5	Sở NN&MT	Lãnh đạo Sở
			Bước 6	Trình UBND tỉnh phê duyệt	0,25	TT PVHCC	Chuyên viên
			Bước 7	Tiếp nhận liên thông	0,25	VP UBND tỉnh	Bộ phận TN&TKQ
			Bước 8	UBND tỉnh phê duyệt	5	VP UBND	Chuyên viên

						tỉnh	
			Bước 9	Luân chuyển kết quả	0,25	VP UBND tỉnh	Bộ phận TN&TKQ
			Bước 10	Tiếp nhận và thông báo kết quả	0,25	TT PVHCC	Chuyên viên
			Bước 11	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Không tính thời gian	TT PVHCC	Chuyên viên
		24 ngày làm việc	<i>Trường hợp nộp cùng hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác tài nguyên nước</i>				
			Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	0,25	TT PVHCC	Chuyên viên
			Bước 2	Phân công xử lý hồ sơ	0,25	Phòng BD&TNN	Lãnh đạo Phòng
			Bước 3	Kiểm tra hồ sơ nếu hồ sơ đủ điều kiện thì tiếp tục qua bước 4 nếu hồ sơ không đủ điều kiện thì trả hồ sơ kết thúc quy trình.	17	Phòng BD&TNN	Chuyên viên
				Thẩm định và xử lý hồ sơ:			
				- Trường hợp hồ sơ không bổ sung, chỉnh sửa thì tiếp tục qua bước 4			
				- Trường hợp hồ sơ có bổ sung chỉnh sửa thì hệ thống dừng cho đến khi tổ chức, cá nhân nộp lại hồ sơ đã hoàn thiện (thời gian bổ sung chỉnh sửa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ)			
			Bước 4	Soát xét hồ sơ	0,5	Phòng BD&TNN	Lãnh đạo Phòng
			Bước 5	Phê duyệt hồ sơ	01	Sở NN&MT	Lãnh đạo Sở
			Bước 6	Trình UBND tỉnh phê duyệt	0,25	TT PVHCC	Chuyên viên
			Bước 7	Tiếp nhận liên thông	0,25	VP UBND tỉnh	Bộ phận TN&TKQ

			Bước 8	UBND tỉnh phê duyệt	4	VP UBND tỉnh	Chuyên viên
			Bước 9	Luân chuyển kết quả	0,25	VP UBND tỉnh	Bộ phận TN&TKQ
			Bước 10	Tiếp nhận và thông báo kết quả	0,25	TT PVHCC	Chuyên viên
			Bước 11	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Không tính thời gian	TT PVHCC	Chuyên viên
12	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (1.004283)	24 ngày làm việc	<i>Trường hợp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 33 Điều 2 Nghị định số 23/2026/NĐ-CP</i>				
			Bước 1	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ	0,25	TT PVHCC	Chuyên viên
			Bước 2	Phân công xử lý hồ sơ	0,25	Phòng BD&TNN	Lãnh đạo Phòng
			Bước 3	Kiểm tra hồ sơ nếu hồ sơ đủ điều kiện thì tiếp tục qua bước 4 nếu hồ sơ không đủ điều kiện thì trả hồ sơ kết thúc quy trình.	17	Phòng BD&TNN	Chuyên viên
				Thẩm định và xử lý hồ sơ:			
				- Trường hợp hồ sơ không bổ sung, chỉnh sửa thì tiếp tục qua bước 4			
				- Trường hợp hồ sơ có bổ sung chỉnh sửa thì hệ thống dừng cho đến khi tổ chức, cá nhân nộp lại hồ sơ đã hoàn thiện (thời gian bổ sung chỉnh sửa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ)			
			Bước 4	Soát xét hồ sơ	01	Phòng BD&TNN	Lãnh đạo Phòng
			Bước 5	Phê duyệt hồ sơ	0,5	Sở NN&MT	Lãnh đạo Sở
			Bước 6	Trình UBND tỉnh phê duyệt	0,25	TT PVHCC	Chuyên viên
			Bước 7	Tiếp nhận liên thông	0,25	VP UBND	Bộ phận

						tỉnh	TN&TKQ
			Bước 8	UBND tỉnh phê duyệt	4	VP UBND tỉnh	Chuyên viên
			Bước 9	Luân chuyển kết quả	0,25	VP UBND tỉnh	Bộ phận TN&TKQ
			Bước 10	Tiếp nhận và thông báo kết quả	0,25	TT PVHCC	Chuyên viên
			Bước 11	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Không tính thời gian	TT PVHCC	Chuyên viên
		11 ngày làm việc	<i>Trường hợp theo quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g, h, i và k khoản 1 Điều 52 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 33 Điều 2 Nghị định số 23/2026/NĐ-CP</i>				
			Bước 1	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ	0,25	TT PVHCC	Chuyên viên
			Bước 2	Phân công xử lý hồ sơ	0,25	Phòng BD&TNN	Lãnh đạo Phòng
			Bước 3	Kiểm tra hồ sơ nếu hồ sơ đủ điều kiện thì tiếp tục qua bước 4 nếu hồ sơ không đủ điều kiện thì trả hồ sơ kết thúc quy trình.	5,5	Phòng BD&TNN	Chuyên viên
				Thẩm định và xử lý hồ sơ:			
				- Trường hợp hồ sơ không bổ sung, chỉnh sửa thì tiếp tục qua bước 4			
				- Trường hợp hồ sơ có bổ sung chỉnh sửa thì hệ thống dừng cho đến khi tổ chức, cá nhân nộp lại hồ sơ đã hoàn thiện (thời gian bổ sung chỉnh sửa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ)			
			Bước 4	Soát xét hồ sơ	0,5	Phòng BD&TNN	Lãnh đạo Phòng
			Bước 5	Phê duyệt hồ sơ	0,5	Sở NN&MT	Lãnh đạo Sở
			Bước 6	Trình UBND tỉnh phê duyệt	0,25	TT PVHCC	Chuyên viên
			Bước 7	Tiếp nhận liên thông	0,25	VP UBND	Bộ phận

						tỉnh	TN&TKQ
			Bước 8	UBND tỉnh phê duyệt	3	VP UBND tỉnh	Chuyên viên
			Bước 9	Luân chuyển kết quả	0,25	VP UBND tỉnh	Bộ phận TN&TKQ
			Bước 10	Tiếp nhận và thông báo kết quả	0,25	TT PVHCC	Chuyên viên
			Bước 11	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Không tính thời gian	TT PVHCC	Chuyên viên
13	Lấy ý kiến về phương án bổ sung nhân tạo nước dưới đất (1.012503)	12 ngày làm việc	Bước 1	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ	0,25	TT PVHCC	Chuyên viên
			Bước 2	Phân công xử lý hồ sơ	0,25	Phòng BD&TNN	Lãnh đạo Phòng
			Bước 3	Kiểm tra hồ sơ nếu hồ sơ đủ điều kiện thì tiếp tục qua bước 4 nếu hồ sơ không đủ điều kiện thì trả hồ sơ kết thúc quy trình.	10,25	Phòng BD&TNN	Chuyên viên
				Thẩm định và xử lý hồ sơ:			
				- Trường hợp hồ sơ không bổ sung, chỉnh sửa thì tiếp tục qua bước 4			
				- Trường hợp hồ sơ có bổ sung chỉnh sửa thì hệ thống dừng cho đến khi tổ chức, cá nhân nộp lại hồ sơ đã hoàn thiện (thời gian bổ sung chỉnh sửa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ)			
			Bước 4	Soát xét hồ sơ	0,5	Phòng BD&TNN	Lãnh đạo Phòng
			Bước 5	Phê duyệt hồ sơ	0,5	Sở NN&MT	Lãnh đạo Sở
			Bước 6	Tiếp nhận và thông báo kết quả	0,25	TT PVHCC	Chuyên viên
			Bước 7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Không tính thời	TT PVHCC	Chuyên viên

					gian		
14	Lấy ý kiến về kết quả vận hành thử nghiệm bổ sung nhân tạo nước dưới đất (1.012504)	12 ngày làm việc	Bước 1	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ	0,5	TT PVHCC	Chuyên viên
			Bước 2	Phân công xử lý hồ sơ	0,25	Phòng BD&TNN	Lãnh đạo Phòng
			Bước 3	Kiểm tra hồ sơ nếu hồ sơ đủ điều kiện thì tiếp tục qua bước 4 nếu hồ sơ không đủ điều kiện thì trả hồ sơ kết thúc quy trình.	10	Phòng BD&TNN	Chuyên viên
				Thẩm định và xử lý hồ sơ:			
				- Trường hợp hồ sơ không bổ sung, chỉnh sửa thì tiếp tục qua bước 4			
				- Trường hợp hồ sơ có bổ sung chỉnh sửa thì hệ thống dừng cho đến khi tổ chức, cá nhân nộp lại hồ sơ đã hoàn thiện (thời gian bổ sung chỉnh sửa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ)			
			Bước 4	Soát xét hồ sơ	0,5	Phòng BD&TNN	Lãnh đạo Phòng
			Bước 5	Phê duyệt hồ sơ	0,5	Sở NN&MT	Lãnh đạo Sở
			Bước 6	Tiếp nhận và thông báo kết quả	0,25	TT PVHCC	Chuyên viên
			Bước 7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Không tính thời gian	TT PVHCC	Chuyên viên
15	Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước của hồ chứa thủy điện (2.001850)	29 ngày làm việc	Bước 1	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ	0,25	TT PVHCC	Chuyên viên
			Bước 2	Phân công xử lý hồ sơ	0,25	Phòng BD&TNN	Lãnh đạo Phòng
			Bước 3	Kiểm tra hồ sơ nếu hồ sơ đủ điều kiện thì tiếp tục qua bước 4 nếu hồ sơ không đủ điều kiện thì trả hồ sơ kết thúc quy trình.	21	Phòng BD&TNN	Chuyên viên

				Thẩm định và xử lý hồ sơ							
				- Lấy ý kiến Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có hồ chứa (trong vòng 5 ngày làm việc cơ quan được lấy ý kiến trả lời bằng văn bản)							
				- Tổng hợp ý kiến và gửi tổ chức quản lý, vận hành hồ chứa để hoàn thiện (Thời gian bổ sung, hoàn thiện phương án không tính vào thời gian thẩm định) + Trường hợp đủ điều kiện: chuyển sang bước 6 + Trường hợp không đủ điều kiện thì trả lại hồ sơ và kết thúc quy trình.							
				Bước 4				Soát xét hồ sơ	01	Phòng ĐD&TNN	Lãnh đạo Phòng
				Bước 5				Phê duyệt hồ sơ	0,5	Sở NN&MT	Lãnh đạo Sở
				Bước 6				Trình UBND tỉnh phê duyệt	0,25	TT PVHCC	Chuyên viên
				Bước 7				Tiếp nhận liên thông	0,25	VP UBND tỉnh	Bộ phận TN&TKQ
				Bước 8				UBND tỉnh phê duyệt	5	VP UBND tỉnh	Chuyên viên
				Bước 9				Luân chuyển kết quả	0,25	VP UBND tỉnh	Bộ phận TN&TKQ
				Bước 10				Tiếp nhận và thông báo kết quả	0,25	TT PVHCC	Chuyên viên
				Bước 11				Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Không tính thời gian	TT PVHCC	Chuyên viên
				Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	0,25	TT PVHCC	Chuyên viên			
				Bước 2	Phân công xử lý hồ sơ	0,5	Phòng	Lãnh đạo			

16	Lấy ý kiến về tác động của công trình khai thác nước (1.013799)	26 ngày làm việc				BD&TNN	Phòng
			Bước 3	Kiểm tra hồ sơ nếu hồ sơ nếu đủ điều kiện thì tiếp tục qua bước 4 nếu hồ sơ không đủ điều kiện thì trả hồ sơ kết thúc quy trình.	23,5	Phòng BD&TNN	Chuyên viên
				Thẩm định và xử lý hồ sơ: Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức lấy ý kiến Hệ thống sẽ dừng cho đến khi tổ chức cá nhân nộp lại hồ sơ đã hoàn thiện (thời gian bổ sung hoàn thiện hồ sơ của tổ chức, cá nhân không tính vào thời gian thẩm định).			
			Bước 4	Soát xét hồ sơ	1	Phòng BD&TNN	Lãnh đạo Phòng
			Bước 5	Phê duyệt hồ sơ	0,5	Sở NN&MT	Lãnh đạo Sở
			Bước 6	Tiếp nhận và thông báo kết quả	0,25	TT PVHCC	Chuyên viên
17	Đăng ký khai thác nước mặt, nước biển, đăng ký sử dụng mặt nước, đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch (2.002835)	20 ngày làm việc	Trường hợp công trình khai thác nước là hồ chứa, đập dâng				
			Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	0,25	TT PVHCC	Chuyên viên
			Bước 2	Phân công xử lý hồ sơ	0,25	Phòng BD&TNN	Lãnh đạo Phòng
			Bước 3	Kiểm tra hồ sơ nếu hồ sơ đảm bảo thì tiếp tục qua bước 4 nếu hồ sơ không đủ điều kiện thì trả hồ sơ kết thúc quy trình.	12,5	Phòng BD&TNN	Chuyên viên
				Thẩm định và xử lý hồ sơ			
				- Trường hợp hồ sơ không bổ sung, chỉnh sửa thì tiếp tục qua			

				bước 4 - Trường hợp hồ sơ có bổ sung chỉnh sửa thì hệ thống dừng cho đến khi tổ chức cá nhân nộp lại hồ sơ đã hoàn thiện (thời gian bổ sung chỉnh sửa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ)			
			Bước 4	Soát xét hồ sơ	0,5	Phòng BD&TNN	Lãnh đạo Phòng
			Bước 5	Phê duyệt hồ sơ	0,5	Sở NN&MT	Lãnh đạo Sở
			Bước 6	Trình UBND tỉnh phê duyệt	0,25	TT PVHCC	Chuyên viên
			Bước 7	Tiếp nhận liên thông	0,25	VP UBND tỉnh	Bộ phận TN&TKQ
			Bước 8	UBND tỉnh phê duyệt	5	VP UBND tỉnh	Chuyên viên
			Bước 9	Luân chuyển kết quả	0,25	VP UBND tỉnh	Bộ phận TN&TKQ
			Bước 10	Tiếp nhận và thông báo kết quả	0,25	TT PVHCC	Chuyên viên
			Bước 11	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Không tính thời gian	TT PVHCC	Chuyên viên
		07 ngày làm việc	<i>Trường hợp công trình khai thác nước không phải là hồ chứa, đập dâng</i>				
			Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	0,25	TT PVHCC	Chuyên viên
			Bước 2	Phân công xử lý hồ sơ	0,25	Phòng BD&TNN	Lãnh đạo Phòng
			Bước 3	Kiểm tra hồ sơ nếu hồ sơ đủ điều kiện thì tiếp tục qua bước 4 nếu hồ sơ không đủ điều kiện thì trả hồ sơ kết thúc quy trình.	03	Phòng BD&TNN	Chuyên viên
				Thẩm định và xử lý hồ sơ			
				- Trường hợp hồ sơ không bổ sung, chỉnh sửa thì tiếp tục qua			

				bước 4 - Trường hợp hồ sơ có bổ sung chỉnh sửa thì hệ thống dừng cho đến khi tổ chức cá nhân nộp lại hồ sơ đã hoàn thiện (thời gian bổ sung chỉnh sửa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ)			
			Bước 4	Soát xét hồ sơ	0,25	Phòng BD&TNN	Lãnh đạo Phòng
			Bước 5	Phê duyệt hồ sơ	0, 5	Sở NN&MT	Lãnh đạo Sở
			Bước 6	Trình UBND tỉnh phê duyệt	0,25	TT PVHCC	Chuyên viên
			Bước 7	Tiếp nhận liên thông	0,25	VP UBND tỉnh	Bộ phận TN&TKQ
			Bước 8	UBND tỉnh phê duyệt	2	VP UBND tỉnh	Chuyên viên
			Bước 9	Luân chuyển kết quả	0,25	VP UBND tỉnh	Bộ phận TN&TKQ
			Bước 10	Tiếp nhận và thông báo kết quả	0,25	TT PVHCC	Chuyên viên
			Bước 11	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Không tính thời gian	TT PVHCC	Chuyên viên
18	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành hoặc đối với công trình cấp cho sinh hoạt đã đi vào vận hành và được cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước nhưng chưa được phê duyệt	11 ngày làm việc	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	0,25	TT PVHCC	Chuyên viên
			Bước 2	Phân công xử lý hồ sơ	0,25	Phòng BD&TNN	Lãnh đạo Phòng
			Bước 3	Kiểm tra hồ sơ nếu hồ sơ đủ điều kiện thì tiếp tục qua bước 4 nếu hồ sơ không đủ điều kiện thì trả hồ sơ kết thúc quy trình. Thẩm định và xử lý hồ sơ	5,75	Phòng BD&TNN	Chuyên viên
				- Trường hợp hồ sơ không bổ sung, chỉnh sửa thì tiếp tục qua bước 4 - Trường hợp hồ sơ có bổ sung chỉnh sửa thì hệ thống dừng cho			

	tiền cấp quyền (1.014716)			đến khi tổ chức cá nhân nộp lại hồ sơ đã hoàn thiện (thời gian bổ sung chỉnh sửa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ)			
			Bước 4	Soát xét hồ sơ	0,25	Phòng BD&TNN	Lãnh đạo Phòng
			Bước 5	Phê duyệt hồ sơ	0,5	Sở NN&MT	Lãnh đạo Sở
			Bước 6	Trình UBND tỉnh phê duyệt	0,25	TT PVHCC	Chuyên viên
			Bước 7	Tiếp nhận liên thông	0,25	VP UBND tỉnh	Bộ phận TN&TKQ
			Bước 8	UBND tỉnh phê duyệt	3	VP UBND tỉnh	Chuyên viên
			Bước 9	Luân chuyển kết quả	0,25	VP UBND tỉnh	Bộ phận TN&TKQ
			Bước 10	Tiếp nhận và thông báo kết quả	0,25	TT PVHCC	Chuyên viên
			Bước 11	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Không tính thời gian	TT PVHCC	Chuyên viên

Phụ lục II

**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CHỦ TỊCH UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ**
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị)

STT	Tên TTHC	Tổng thời gian giải quyết	Nội dung công việc và trình tự các bước thực hiện		Thời gian chi tiết (ngày làm việc)	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện
1	Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất (1.001662)	07 ngày làm việc	Bước 1	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ	0,25	TT PVHCC	Chuyên viên
			Bước 2	Phân công xử lý hồ sơ	0,5	Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	Lãnh đạo Phòng
			Bước 3	Thẩm định và xử lý hồ sơ (Trường hợp hồ sơ phải bổ sung, hoàn thiện thì thời gian tổ chức, cá nhân đăng ký khai thác nước dưới đất hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định)	4	Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	Chuyên viên
			Bước 4	Soát xét hồ sơ, trình phê duyệt	1	Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	Lãnh đạo Phòng
			Bước 5	Phê duyệt hồ sơ	1	UBND cấp xã	Chủ tịch UBND cấp xã
			Bước 6	Tiếp nhận và thông báo kết quả	0,25	TT PVHCC	Chuyên viên
			Bước 7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Không tính thời gian	TT PVHCC	Chuyên viên